

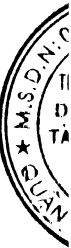


Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

**CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 31/12/2019



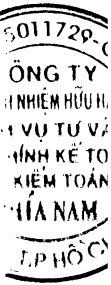
Được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh ĐT: 08.38205944 Fax: 08.38205942

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	03 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán	06 - 07
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08 - 08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 09
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	10 - 10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 21



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (trước đây là Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chiến Thắng) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép ban đầu số 24/UBCK – GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 23/GPĐC - UBCK ngày 03 tháng 09 năm 2015 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp.

Hoạt động chính của công ty là lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 39.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Crescent Residence 3, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM.

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho năm 2018 là 851.712.839 VND. Lợi nhuận sau thuế cho năm 2019 là 1.045.138.015 VND.

Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là (9.091.391.804) VND. Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là (8.046.253.789) VND.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị:

Ông:	Albert, Kwang - Chin Ting	Chủ tịch
Ông:	Ho, Feng Tao	Thành viên
Ông:	Wu, Jin - Jeng	Thành viên
Bà:	Huang, Wan - Hui	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc:

Ông :	Ho, Feng Tao	Tổng Giám đốc
-------	--------------	---------------

Các thành viên Ban Kiểm soát:

Ông:	Liew, Sep - Siang	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông:	Lii, San - Rong	Thành viên BKS
Bà:	Chang, Wen - Ning	Thành viên BKS

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị đối với Báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm 2019. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2019, phù hợp với chế độ kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 và TT 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp đối với công ty quản lý quỹ.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm 2019, kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.

Tp.HCM, ngày 15. Tháng 3. năm 2020

Thay mặt Hội đồng quản trị
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Albert Kwang / Chin Ting



Số: 74./BCKT/TC/2020/AASCS**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP***Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2019
của Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng***Kính gửi:**
- **Cổ đông Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng**
- **Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng**
- **Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng**

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng được lập ngày 07/01/2020, từ trang 6 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm 2019, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài Chính ban hành về Hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Kết luận của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 và các quy định pháp lý có liên quan việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2020Công Ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)TRÁCH NHIỆM TỐI ĐA
DỊCH VỤ TƯ VẤN
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
VÀ KIỂM TOÁN
PHÍA NAM**Đỗ Khắc Thanh**

Số giấy CNĐKHN KTV: 0064-2018-142-1

Kiểm toán viên

Dương Nguyên Thúy Mai

Số giấy CNĐKHN KTV: 0848-2018-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		31.340.497.841	30.184.588.656
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.187.434.523	3.800.969.652
1. Tiền	111		1.067.434.523	1.300.969.652
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.120.000.000	2.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	28.500.000.000	25.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		28.500.000.000	25.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		469.729.985	1.383.619.004
1. Phải thu khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	V.3	251.509.179	312.386.126
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4.1	218.220.806	1.071.232.878
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		183.333.333	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		183.333.333	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		47.532.000	42.532.000
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		47.532.000	42.532.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.4.2	47.532.000	42.532.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
TÀI SẢN				
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228	V.5	397.464.302	397.464.302
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(397.464.302)	(397.464.302)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		31.388.029.841	30.227.120.656

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
A . NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		434.283.630	318.512.460
I. Nợ ngắn hạn	310		434.283.630	318.512.460
1. Vay ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		-	-
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.7	218.716.430	236.424.210
5. Phải trả người lao động	315		170.635.500	38.088.250
6. Chi phí phải trả	316	V.6	44.931.700	44.000.000
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 +430)	400		30.953.746.211	29.908.608.196
I. Vốn chủ sở hữu	410		30.953.746.211	29.908.608.196
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.8	39.000.000.000	39.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(8.046.253.789)	(9.091.391.804)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		31.388.029.841	30.227.120.656

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A	B	C	1	2
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)	005		88,19	96,44

Người lập biểu



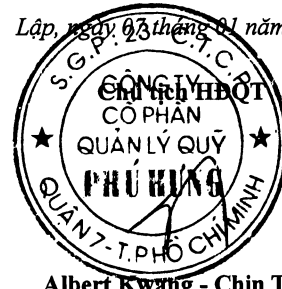
Nguyễn Hải Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Linh

Lập, ngày 03 tháng 01 năm 2020



Albert Kwang - Chin Ting

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
A	B	C	1	2
1. Doanh thu	01	V.9.1	2.578.861.310	618.731.962
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01- 02)	10		2.578.861.310	618.731.962
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20=10 - 11)	20		2.578.861.310	618.731.962
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.9.2	2.387.614.002	2.239.576.169
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.10	3.611.964.214	1.788.899.582
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		1.354.511.098	1.069.408.549
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32		38.470.863	3.814.000
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(38.470.863)	(3.814.000)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.316.040.235	1.065.594.549
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.11	270.902.220	213.881.710
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		1.045.138.015	851.712.839
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		268	218

501172
 CÔNG TY
 NHẬN HI
 VỤ TU
 HÌNH KẾ
 KIỂM T
 HIA NA
 T.P.HC

Người lập biểu



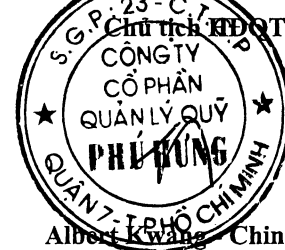
Nguyễn Hải Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Linh

Lập, ngày 07 tháng 01 năm 2020



Albert Kwang Chin Ting

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2.639.738.257	442.874.340
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(522.395.388)	-
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.041.819.079)	(1.032.783.511)
4. Tiền chi trả lãi vay	04			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(454.860.980)	(72.042.503)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		53.259.400	1.119.839.330
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.061.077.538)	(754.595.348)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.387.155.328)	(296.707.698)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(28.500.000.000)	-
4. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24		25.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.273.605.913	125.063.902
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(226.394.087)	125.063.902
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(1.613.549.415)	(171.643.792)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.800.969.652	3.972.613.444
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		14.286	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		2.187.434.523	3.800.969.652

Lập, ngày 07 tháng 01 năm 2020

Người lập biểu

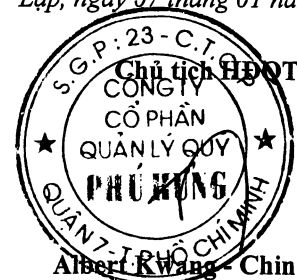


Nguyễn Hải Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Linh



Albert Kwang - Chin Ting

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

Tầng 5, tòa nhà Crescent Residence 3, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 31/12/2019

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		Kỳ trước 01/01/2018	Kỳ này 01/01/2019	Kỳ trước		Kỳ này		Kỳ trước 31/12/2018	Kỳ này 31/12/2019
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		39.000.000.000	39.000.000.000	-	-	-	-	39.000.000.000	39.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Có phiếu quỹ (*)		-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		-	-	-	-	-	-	-	-
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(9.943.104.643)	(9.091.391.804)	851.712.839	-	1.045.138.015	-	(9.091.391.804)	(8.046.253.789)
Cộng		29.056.895.357	29.908.608.196	851.712.839	-	1.045.138.015	-	29.908.608.196	30.953.746.211

Người lập biểu



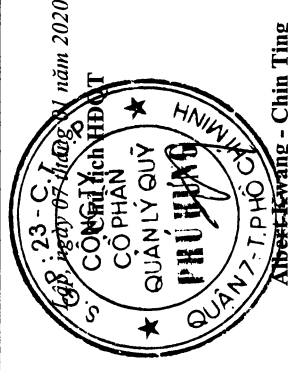
Nguyễn Hải Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Linh

10



1/1/ 2020 10/01/2020

M.S.D.N.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (trước đây là Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chiến Thắng) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép ban đầu số 24/UBCK – GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 23/GPĐC - UBCK ngày 03 tháng 09 năm 2015 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 39.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Crescent Residence 3, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Dịch vụ chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán

4. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không có.

5. Tổng số nhân viên: 15 người, trong đó có 08 nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề.

II. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Công ty quản lý quỹ ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/9/2011 và TT 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp đối với công ty quản lý quỹ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

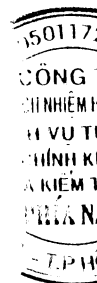
Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập báo cáo.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm phát sinh được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản hoặc tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở nhiều tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/05/2018 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phần mềm máy tính 03 năm

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Phương pháp xác định giá thị trường đối với cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch TP HCM và Sở Giao dịch Hà Nội (không bao gồm Sàn giao dịch UpCom)

- Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán;
- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau :

- + Giá trị sổ sách
- + Giá mua
- + Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán

Tức là : $\text{Max} (\text{Giá trị sổ sách} ; \text{Giá mua}; \text{Giá xác định theo phương pháp nội bộ})$

- Phương pháp xác định giá thị trường đối với cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom

- Giá giao dịch bình quân của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán;
- Trường hợp không có giá giao dịch nhiều hơn (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau :

- + Giá trị sổ sách
- + Giá mua
- + Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán .

Tức là : $\text{Max} (\text{Giá trị sổ sách} ; \text{Giá mua}; \text{Giá xác định theo phương pháp nội bộ})$

- Phương pháp xác định giá thị trường đối với cổ phiếu nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch :

- Giá trị trung bình dựa trên báo cáo giá của tối thiểu 03 công ty chứng khoán không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán;
- Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 công ty chứng khoán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau :

- + Giá từ các báo giá
- + Giá của các kỳ báo cáo gần nhất
- + Giá trị sổ sách
- + Giá mua
- + Giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán

Tức là : $\text{Max} (\text{Giá từ các báo cáo}; \text{Giá của kỳ báo cáo gần nhất} ; \text{Giá trị sổ sách} ; \text{Giá mua}; \text{Giá xác định theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán})$



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.
- Chi phí đi dờn văn phòng

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được phân loại là nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

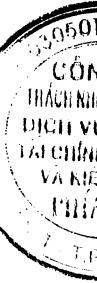
Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.



110100501

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.



3 -
NG
PT
NL
PI

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán.

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt (*)	10.954.228	138.871
Tiền gửi ngân hàng (**)	1.056.480.295	1.300.830.781
Tiền gửi ngân hàng VND	1.054.442.224	1.298.598.195
Tiền gửi ngân hàng BIDV	28.353.289	1.618.563
Tiền gửi ngân hàng Vietcombank - CN Nam Sài Gòn	1.026.088.935	1.296.979.632
Tiền gửi ngân hàng USD	2.038.071	2.232.586
Tiền gửi ngân hàng BIDV (USD)	2.038.071	2.232.586
Tương đương tiền (***)	1.120.000.000	2.500.000.000
Tổng cộng	2.187.434.523	3.800.969.652

Ghi chú:

(*) Tiền mặt tồn quỹ trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2019 khớp với biên bản kiểm kê thực tế.

(**) Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 31/12/2019 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng.

(***) Tiền gửi ngân hàng BIDV kỳ hạn 1 tháng, tái tục hằng tháng, lãi suất năm từ 4,3% đến 5,5%

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>
2.1. Trái phiếu doanh nghiệp có kỳ hạn gốc 12 tháng				
Trái phiếu công ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Phú Lập	25	25.000.000.000	25	25.000.000.000
2.2. Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn trên 3 tháng đến dưới 12 tháng		3.500.000.000		-
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm BIDV		1.000.000.000		-
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm VCB		1.000.000.000		-
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng của NH Nam Á		1.500.000.000		-
Tổng cộng		28.500.000.000		25.000.000.000

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu hoạt động quản lý quỹ	251.509.179	312.386.126
Tổng cộng	251.509.179	312.386.126

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

4.1. Ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi trái phiếu	5.806.011	1.071.232.878
Lãi tiền gửi	179.414.795	-
Đặt cọc thuê căn hộ Happy Valley	33.000.000	-
Tổng cộng	218.220.806	1.071.232.878

4.2. Dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đặt cọc thuê văn phòng	39.732.000	39.732.000
Đặt cọc vỏ bình nước	500.000	500.000
Đặt cọc thuê máy photocopy	2.300.000	2.300.000
Đặt cọc thẻ taxi VinaSun	5.000.000	-
Tổng cộng	47.532.000	42.532.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

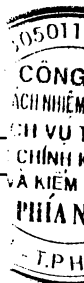
5. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	397.464.302	397.464.302
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	-	-	-	397.464.302	397.464.302
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	397.464.302	397.464.302
2. Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Khấu hao tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	-	-	-	397.464.302	397.464.302
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-
2. Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-	-

Ghi chú:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 397.464.302 VNĐ



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

6. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải trả phí đỗ xe	931.700	
- Phải trả phí kiểm toán	44.000.000	44.000.000
Tổng cộng	44.931.700	44.000.000

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
- Thuế Thu nhập cá nhân	22.542.500	181.430.430	119.215.865	84.757.065
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	213.881.710	270.902.220	350.824.565	133.959.365
Tổng cộng	236.424.210	452.332.650	470.040.430	218.716.430

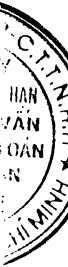
8. VỐN CỔ PHẦN

	<u>Số cổ phiếu</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn cổ phần được duyệt	3.900.000	39.000.000.000	39.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành (*)	3.900.000	39.000.000.000	39.000.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.900.000	39.000.000.000	39.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành	3.900.000	39.000.000.000	39.000.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.900.000	39.000.000.000	39.000.000.000

(*) : Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:

	<u>Số cổ phiếu</u>	<u>Vốn góp tại ngày 31/12/2019</u>	<u>% sở hữu</u>
Ông Albert Kwang - Chin Ting	1.560.000	15.600.000.000	40%
Ông Kwang, Hung - Ting	1.560.000	15.600.000.000	40%
Ông Chen Hsiao Fan	780.000	7.800.000.000	20%
Tổng cộng	3.900.000	39.000.000.000	100%



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

9. DOANH THU

Chỉ tiêu	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
9.1. Doanh thu hoạt động nghiệp vụ		
- Tổng doanh thu	2.578.861.310	618.731.962
+ Doanh thu hoạt động quản lý quỹ (*)	498.861.310	498.731.962
+ Doanh thu hoạt động tư vấn	2.080.000.000	120.000.000

(*) Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu Tư Triển Vượng Việt Nam (VPDF) và Quỹ Đầu Tư Phát Triển Hằng Thông (HTDF), một quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Công ty được nhận phí quản lý và phí thường hoạt động từ VPDF và HTDF. Phí quản lý bằng 0,5% giá trị tài sản ròng mỗi tháng. Phí thường hoạt động chỉ được nhận khi công ty đáp ứng được các điều kiện được nêu trong hợp đồng dịch vụ quản lý quỹ đầu tư.

9.2. Doanh thu hoạt động tài chính	2.387.614.002	2.239.576.169
- Lãi tiền gửi	268.451.827	114.553.232
- Lãi trái phiếu doanh nghiệp	2.119.162.175	2.125.000.001
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	22.936

10. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	3.058.748.280	1.319.460.558
- Chi phí đồ dùng văn phòng	39.298.009	8.303.704
- Thuế, phí, lệ phí	8.811.000	8.600.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	503.215.354	444.113.777
- Chi phí bằng tiền khác	1.891.571	8.421.543
Tổng cộng	3.611.964.214	1.788.899.582

11 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	270.902.220	213.881.710
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng cộng	270.902.220	213.881.710

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.316.040.235	1.065.594.549
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	38.470.863	3.814.000
+ Các khoản điều chỉnh tăng	38.470.863	3.814.000
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	1.354.511.098	1.069.408.549
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (20%)	270.902.220	213.881.710
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.045.138.015	851.712.839

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

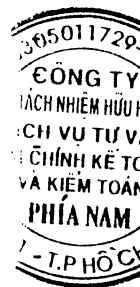
Năm 2019

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị tính: VND

12. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính:	-	-
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu	-	-
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu	-	-
b- Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo	-	-
- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý	-	-
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và khoản trong đương tiền;	-	-
- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý	-	-
- Phần giá trị tài sản (tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong kỳ	-	-
c- Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện	-	-



VII. Thông tin bổ sung cho báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

- Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Bảng cân đối kế toán nhưng trước khi báo cáo tài chính được phép phát hành: Không
- Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận : Không
- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu:
 - Thu nhập: Không phát sinh
 - Chi phí: Không phát sinh
 - Lãi (lỗ): Không phát sinh

VIII Những thông tin khác

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:
Không có các khoản nợ tiềm tàng hoặc các cam kết khác cần phải công bố
- Những sự kiện phát sinh sau ngày 31/12/2019:
Không có sự kiện trọng yếu sau ngày kết thúc niên độ kế toán
- Thông tin về các bên liên quan:
Không phát sinh các bên có liên quan
- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý) theo quy định của chuẩn mực kế toán số 28 " báo cáo bộ phận"

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

Không phát sinh Báo cáo bộ phận theo CMKT số 28

5. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước)

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

7. Thông tin đối với mỗi loại cổ phiếu:

- Số cổ phiếu được phép phát hành	3.900.000	
- Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	3.900.000	
- Số cổ phiếu đã được phát hành và chưa được góp vốn đầy đủ	Không	
- Mệnh giá của cổ phiếu hoặc các cổ phiếu không có mệnh giá	10.000 Đ/CP	

- Số cổ phiếu của công ty đang lưu hành
- Các cổ phiếu đang dự trữ để phát hành

<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
3.900.000	3.900.000
Không	Không

8. Những thông tin khác:

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2018, kết thúc tại ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty AASCS.

Người lập biểu



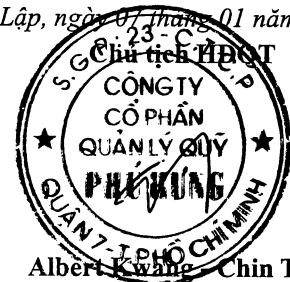
Nguyễn Hải Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Linh

Lập, ngày 07 tháng 01 năm 2020



Albert Kwang - Chin Ting